

ĐỀ SỐ 1

Họ và tên: Lớp:

Thời gian gợi ý: 25 phút | Hình thức: nhận diện âm, từ và câu ngắn

Exercise 1. Look and circle. (Nhìn tranh và khoanh từ đúng)



A. bike B. ball



A. book B. bike



A. cake B. book



A. ball B. cake

Exercise 2. Look and match. (Nhìn tranh và nối)

Tranh (cột A)

Từ (cột B)



A. cat



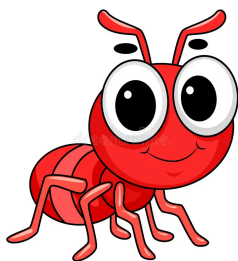
B. apple

2.



C. ant

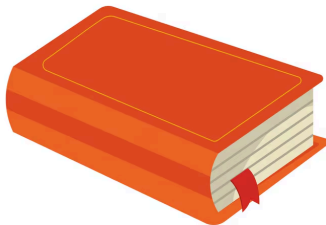
3.



D. car

4.

Exercise 3. Look and complete. (Điền chữ còn thiếu)

 1. b _ g	 2. b _ ok
 3. c _ ke	 4. c _ r

Exercise 4. Look and tick (✓). (Chọn câu đúng với tranh)

1.



☐ A. I can see a cat.

☐ B. I can see a ball.

2.



☐ A. I can see a ball.

☐ B. I can see a cat.

Exercise 5. Circle the first letter. (Khoanh chữ cái đầu)

 B D	 C D
 B D	 C D

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1

Bài 1: 1B, 2B, 3B, 4B. Bài 2: 1D, 2A, 3B, 4C. Bài 3: bag, book, cake, car. Bài 4: 1B, 2B.
 Bài 5: B, C, B, C.

ĐỀ SỐ 2

Họ và tên: Lớp:

Thời gian gợi ý: 25 phút | Hình thức: nhận diện âm, từ và câu ngắn

Exercise 1. Look and circle. (Nhìn tranh và khoanh từ đúng)



A. car B. cat



A. cake B. car



A. cake B. book

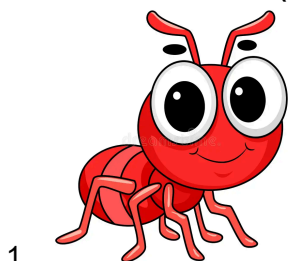


A. ball B. cake

Exercise 2. Look and match. (Nhìn tranh và nối)

Tranh (cột A)

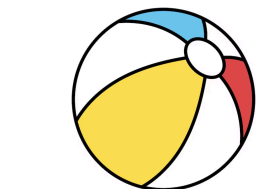
Từ (cột B)



A. apple



B. ball



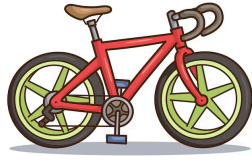
C. book



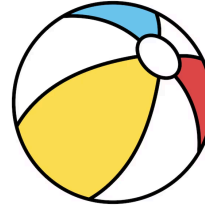
D. ant

Exercise 3. Look and complete. (Điền chữ còn thiếu)

\



1. b _ ke



2. b _ ll

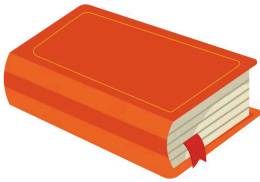


3. c _ t



4. c _ ake

Exercise 4. Look and tick (✓). (Chọn câu đúng với tranh)



1.

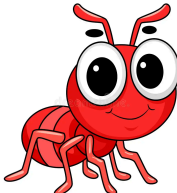
☐ A. I can see a car. ☐ B. I can see a book.



2.

☐ A. I can see a book. ☐ B. I can see a car.

Exercise 5. Circle the first letter. (Khoanh chữ cái đầu)

 C D	 A D
 C D	 A D

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2

Bài 1: 1B, 2B, 3A, 4B. Bài 2: 1D, 2A, 3B, 4C. Bài 3: bike, ball, cat, cake. Bài 4: 1B, 2B. Bài 5: C, A, C, A.

ĐỀ SỐ 3

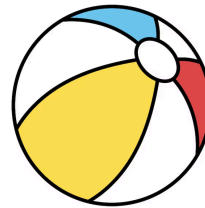
Họ và tên: Lớp:

Thời gian gợi ý: 25 phút | Hình thức: nhận diện âm, từ và câu ngắn

Exercise 1. Look and circle. (Nhìn tranh và khoanh từ đúng)



A. ball B. book



A. bike B. ball



A. cat B. bike



A. book B. cat

Exercise 2. Look and match. (Nhìn tranh và nối)

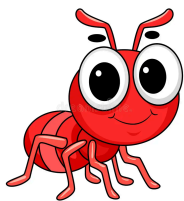
Tranh (cột A)

Từ (cột B)



A. ant

1.



B. car

2.



C. cake

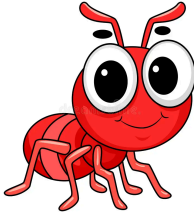
3.



D. apple

4.

Exercise 3. Look and complete. (Điền chữ còn thiếu)

 1. a _ ple	 2. a _ t
 3. b _ ok	 4. b _ ll

Exercise 4. Look and tick (✓). (Chọn câu đúng với tranh)



1.

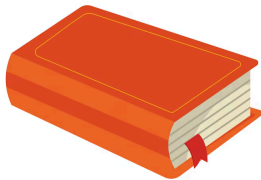
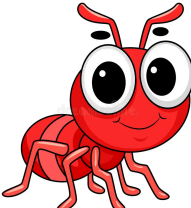
- ☐ A. I can see an apple. ☐ B. I can see a cake.



2.

- ☐ A. I can see a cake. ☐ B. I can see an apple.

Exercise 5. Circle the first letter. (Khoanh chữ cái đầu)

 B D	 A D
 B D	 A D

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 3

Bài 1: 1B, 2B, 3B, 4B. Bài 2: 1D, 2A, 3B, 4C. Bài 3: apple, ant, book, ball. Bài 4: 1B, 2B.
 Bài 5: B, A, B, A.

HƯỚNG DẪN BỔ SUNG HÌNH ẢNH

Thay từng nhãn [CHÈN TRANH: từ vựng] bằng minh họa đơn giản, không chứa chữ tiếng Anh. Có thể tái sử dụng cùng một bộ tranh giữa các đề. Riêng bài nối cần giữ thứ tự cột B như trong file để đáp án chính xác.

Lưu ý biên tập: Bài 4 dùng tranh một vật đơn lẻ tương ứng với danh từ trong câu; nếu là apple, dùng câu “I can see an apple.”. Đề luyện không có phần nghe vì chưa kèm tệp âm thanh.